

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Văn Tân

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1992; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Đình S, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26/7/2021 và các bản tự khai chị N trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Lưu Đình S thời gian năm 2012, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Tuy Nền trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 8/2017 do phong cách sống không còn phù hợp, trước đây anh S thường xuyên

theo bạn bè chơi bởi nghiện hút ma túy, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị và gia đình đã Nều lần khuyên bảo anh S thay đổi cách sống để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 8/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh S.

Về con chung: Có 02 con là Lưu Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2012 và Lưu Đình Đ, sinh ngày 08/10/2014, hiện đang do anh S nuôi dưỡng. Chị nhất trí để anh S tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cháu N. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lưu Đình S trình bày tại bản tự khai: Thống nhất với chị N về thời gian kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do trước đây anh nghiện ma túy, bản thân chị N đối nhân xử thế với gia đình anh không khéo léo, chung sống không hòa hợp, ngoài ra chị N còn có biểu hiện sống không chung thủy. Thực tế chị N bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 8/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị N xin ly hôn nhưng anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 02 con là Lưu Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2012 và Lưu Đình Đ, sinh ngày 08/10/2014, hiện do anh nuôi dưỡng từ nhỏ đến giờ, có sức khỏe tốt. Nếu ly hôn anh xin tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến khi đủ 18 tuổi, trên cơ sở nguyện vọng của cháu N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì hiện nay anh làm nghề kinh doanh tự do, mỗi tháng thu nhập kinh tế khoảng 10 triệu đồng và có nơi ăn ở ổn định, có bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc các con, nên anh đảm bảo điều kiện tốt để nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả công bố công khai tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Anh S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S tự nguyện kết hôn từ năm 2012, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị N bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 8/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị N xin ly hôn, anh S xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Lưu Đình S.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lưu Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2012 và Lưu Đình Đ, sinh ngày 08/10/2014, hiện đang do anh S nuôi dưỡng. Nay cả 02 anh chị đều thống nhất để anh S tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu; còn cháu N có nguyện vọng được ở với anh S, cần chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Lưu Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2012 và Lưu Đình Đ, sinh ngày 08/10/2014 cho anh S nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu là 1.000.000 đồng, cần chấp nhận.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Anh S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N tự nguyện kết hôn với anh S từ năm 2012, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ tháng 8/2017 do phong cách sống không còn phù hợp, anh S nghiện ma túy, chị N sống chung cùng gia đình anh S không hòa thuận, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải Nều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 8/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị N xin ly hôn, còn anh S xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại địa phương cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ cuối năm 2017 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận; nên xử cho chị N được ly hôn anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lưu Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2012 và Lưu Đình Đ, sinh ngày 08/10/2014, hiện đang do anh S nuôi dưỡng. Nay hai anh chị đều thống nhất giao cả 02 con cho anh S nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và cháu N có nguyện vọng ở với anh S, được chấp nhận. Cần giao cháu N, cháu Đ cho anh S nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N nhận cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.000.000 đồng, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định và án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn anh Lưu Đình S.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2012 và Lưu Đình Đ, sinh ngày 08/10/2014 cho anh S nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng); Thời gian từ tháng 9 năm 2021 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh S cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009375 ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền